

17. PHƯỜNG SA ĐÉC

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường Nguyễn Huệ	Xí nghiệp Sa Giang	Cầu Sắt Quay	7.600
		Cầu Sắt Quay	Cầu Cái Sơn 1	10.600
		Cầu Cái Sơn 1	Cầu Hoà Khánh	18.000
		Cầu Hoà Khánh	Lưu Văn Lang	9.000
2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Cầu Cái Sơn 2	45.000
		Cầu Cái Sơn 2	Cầu Sắt Quay	21.000
		Cầu Sắt Quay	Cổng Cầu Kinh	12.000
		Cổng Cầu Kinh	Cầu Nàng Hai	9.000
		Cầu Nàng Hai	Giáp Đường tỉnh 852	6.000
3	Đường Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương nối dài	4.600
4	Đường Hùng Vương	Phạm Hữu Lầu	Trần Phú	12.000
		Đường Trần Phú	Cầu Cái Sơn 3	18.000
		Cầu Cái Sơn 3	Lý Thường Kiệt	24.000
		Đường Lý Thường Kiệt	Nguyễn Sinh Sắc	45.000
		Đường Nguyễn Sinh Sắc	Cầu Rạch Rắn	21.000
5	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Vòng Xoay	Cầu Hoà Khánh	12.000
		Cầu Hoà Khánh	Nguyễn Tất Thành	15.000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Đường tỉnh 848	10.600
		Đường tỉnh 848	Giáp ranh xã Tân Dương	10.000
6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường tỉnh 848	Trần Thị Nhượng	15.000
		Đường Trần Thị Nhượng	Nguyễn Sinh Sắc	21.000
		Đường Nguyễn Sinh Sắc	Cầu Nguyễn Tất Thành	15.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
7	Quốc lộ 80	Đường Chùa	Trạm Biển điện	6.000
		Trạm Biển điện	Cầu rạch Bình Tiên (giáp xã Tân Dương)	7.600
8	Đường Cặp kho 3000 Tấn	- Đường hướng Đông	Toàn tuyến	2.400
		- Đường hướng Tây	Toàn tuyến	3.000
9	Đường tỉnh 852	Đường tỉnh 848	Ngã ba (giáp Trần Hưng Đạo)	7.200
		Ngã ba	Cầu Ông Hộ	7.200
		Cầu Ông Hộ	Giáp xã Tân Dương	3.000
10	Đường tỉnh 848	Cầu Ngã Bát	Đường Nguyễn Sinh Sắc	12.000
		Đường Nguyễn Sinh Sắc	Ngã ba Ông Thung	7.600
		Ngã ba Ông Thung	Cầu Cái Bè	3.000
		Cầu Cái Bè	Đường Ông Quế	2.400
		Đường Ông Quế	Cầu Rạch Ruộng	2.000
11	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Tôn Đức Thắng	10.800
		Đường Hùng Vương	Cầu Sắt Quay	4.800
12	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Riêng	7.200
13	Đường Lê Thị Riêng	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	7.200
14	Đường hẻm 159	Đường Trần Phú	Đường Trần Huy Liệu	4.800
15	Đường Nguyễn Cư Trinh	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Tất Thành	12.000
16	Đường rạch Đình kênh Đông	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Cư Trinh (bờ trái + bờ phải)	3.600
		Đường Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Sinh Sắc	3.600



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
17	Đường rạch Đình kênh Tây	Toàn tuyến		3.600
18	Đường Trần Huy Liệu	Tôn Đức Thắng	Đường rạch Đình kênh Tây	4.800
19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	24.000
		Đường Hùng Vương	Cầu Đình	8.400
		Cầu Đình	Đường Trần Phú	6.000
20	Đường hẻm chùa Phổ Nguyễn	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Huy Liệu	4.800
21	Đường Nguyễn Thiện Thuật	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	3.200
22	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Tất Thành	4.800
23	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường tỉnh 848	7.200
24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Tất Thành	8.400
		Đường Nguyễn Tất Thành	Đường tỉnh 848	7.000
		Đường tỉnh 848	Rạch Hai Đường	6.000
		Rạch Hai Đường	Đường vành đai Đường tỉnh 848	6.000
25	Đường Trần Thị Nhượng	Trần Hưng Đạo	Đường tỉnh 848	19.200
		Đường tỉnh 848	Giáp xã Tân Dương	12.000
26	Đường Nguyễn Văn Phát	Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	16.000
27	Đường Quan Thánh	Toàn tuyến		3.000
28	Đường Nguyễn Trường Tộ	Toàn tuyến		7.200

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
29	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	4.000
30	Đường Nguyễn Du	Toàn tuyến		7.200
31	Đường Đồ Chiểu	Toàn tuyến		7.200
32	Đường Hồ Xuân Hương	Toàn tuyến		9.600
33	Đường Hoàng Diệu	Toàn tuyến		9.600
34	Đường Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		7.200
35	Đường Ngô Thời Nhiệm	Toàn tuyến		9.600
36	Đường Cái Sơn	Toàn tuyến		9.600
37	Đường Phan Bội Châu	Cầu Cái Sơn 1	Cầu Cái Sơn 3	9.600
		Cầu Cái Sơn 3	Cầu Đình	9.000
38	Đường ven rạch Cái Sơn	Cầu Cái Sơn 3	Cầu Đốt	3.000
39	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	30.000
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	45.000
40	Đường Trần Quốc Toản	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	30.000
41	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		45.000
42	Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		45.000
43	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lạc Long Quân	45.000
		Đường Âu Cơ	Đường Hùng Vương	45.000
		Đường Hùng Vương	Hết Đường	12.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
44	Đường cấp vách nhà trẻ Sen Hồng	Toàn tuyến		7.600
45	Đường Nguyễn Thái Bình	Toàn tuyến		9.000
46	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		7.600
47	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Đường Trần Thị Nhượng	15.000
48	Đường Đinh Hữu Thuật	Toàn tuyến		9.000
49	Đường Lê Duẩn	Toàn tuyến		9.000
50	Đường Đinh Tiên Hoàng	Toàn tuyến		9.000
51	Đường Lưu Văn Lang	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Rạch Rắn	6.000
		Cầu Rạch Rắn	Đường Đinh Hữu Thuật	2.200
		Đường Đinh Hữu Thuật	Đường tỉnh 848	1.600
52	Đường Phạm Ngũ Lão	Toàn tuyến		6.000
53	Đường Phạm Ngọc Thạch	Cầu Hoà Khánh	Đường Chùa	3.000
54	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Hết Đường Bến xe cũ	9.600
		Hết Đường Bến xe cũ	Đường Phạm Ngọc Thạch	3.600
55	Đường nối từ Khu dân cư Khóm 3, Phường 2 (khu A) - rạch Bình Tiên	Toàn tuyến		3.600



109

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
56	Đường Cao Bá Quát	Quốc lộ 80	Hết Đường Khu dân cư Khóm 3, Phường 2, khu B	9.600
57	Đường Chùa	Quốc lộ 80	Rạch Bình Tiên	1.800
58	Đường Hoàng Hoa Thám	Nhà thờ Hoà Khánh	Trại cưa Trường Giang	2.200
		Bến Tàu	Hết Đường	1.200
59	Đường Lê Lợi	Cầu Sắt Quay	Đường Vườn Hồng	4.600
		Đường Vườn Hồng	Đường tỉnh 848	3.000
60	Đường Võ Văn Tần	Toàn tuyến		3.600
61	Đường Vườn Hồng	Toàn tuyến		2.400
62	Đường Phạm Văn Vẽ	Toàn tuyến		1.600
63	Đường Phan Văn Út (Trần Phú nối dài)	Cầu Sắt Quay	Bờ sông Tiền	3.000
		Đoạn còn lại		1.200
64	Đường cấp công viên Phan Văn Út	Toàn tuyến		3.000
65	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Văn Út	Rạch Cầu Kiến	3.000
66	Đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		3.000
67	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hai Bà Trưng	Bờ kè sông Tiền	3.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Lê Lợi	3.600
68	Đường Lê Văn Liêm	Toàn tuyến		1.200
69	Đường chùa Bến Tre	Đường Vườn Hồng	Đường Hoàng Sa	1.200
70	Đường Trần Văn Voi	Toàn tuyến		2.400
71	Đường Ngô Văn Hay	Toàn tuyến		2.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
72	Đường Ngã Am	Đường Ngã Am	Đường Rạch Chùa (Đường nhựa)	1.200
		Cầu Ngã Am	Cuối Đường (Đường đan)	1.200
73	Đường rạch Chùa (Bờ trái + phải)	Toàn tuyến		1.200
74	Đường Cao Mên dưới	Toàn tuyến		1.600
75	Đường Đào Duy Từ	Đường tỉnh 848	Đường Rạch Hai Đường	4.000
		Đường Rạch Hai Đường	Đường Vành đai Tây Bắc	3.000
76	Đường Đinh Công Tráng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Tất Thành (nối dài)	3.000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hồ Tùng Mậu	3.000
		Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	2.800
77	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường tỉnh 848	Đường Vành đai Tây Bắc	6.000
78	Đường Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến		1.200
79	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Toàn tuyến		1.200
80	Đường Nguyễn Khuyến	Toàn tuyến		1.200
81	Đường Đoàn Thị Điểm	Toàn tuyến		1.200
82	Đường Hoa Sa Đéc	Toàn tuyến		6.400

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
83	Đường Trần Quang Khải	Toàn tuyến		1.200
84	Đường Cao Thắng	Toàn tuyến		1.200
85	Đường Thủ Khoa Huân	Toàn tuyến		1.200
86	Đường Thiên Hộ Dương	Toàn tuyến		1.200
87	Đường Phùng Khắc Khoan	Toàn tuyến		1.600
88	Đường Phạm Hồng Thái	Toàn tuyến		1.200
89	Đường Ngô Quyền	Toàn tuyến		2.400
90	Đường Trần Khánh Dư	Toàn tuyến		1.200
91	Đường đê bao số 8	Toàn tuyến		1.200
92	Đường Cai Dao trên	Cầu Cai Dao	Đường Phan Thành Chánh	1.200
93	Đường Thi Sách	- Đoạn cầu Cai Dao - nhà ông Phan Ngọc Hùng	Toàn tuyến	1.200
		- Đoạn cầu Cai Dao - nhà ông Lê Văn Mỹ	Toàn tuyến	1.200
94	Đường Nguyễn An Ninh	Toàn tuyến		1.200
95	Các Đường phố trong khu dân cư khóm 3, Phường 1 cũ	Toàn tuyến		3.600
96	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		3.600

109

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
97	Khu dân cư Trung tâm thương mại thành phố Sa Đéc	- Đường rộng 9.5m - 10.5m		21.000
		- Đường rộng 7m		16.800
		- Đường rộng 5m		12.600
98	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Toàn tuyến		35.200
99	Các Đường phố trong khu dân cư khóm Hoà Khánh, Phường 2 cũ	Toàn tuyến		4.800
100	Các Đường phố khu dân cư khóm 3, Phường 2 (khu B)	Toàn tuyến		9.600
101	Đường Trương Định	Toàn tuyến		4.800
102	Khu dân cư đất công phường 2 cũ	Toàn khu		6.000
103	Các Đường phố trong khu dân cư khóm 3, Phường 3 cũ	Toàn tuyến		1.200
104	Đường nội bộ khu tái định cư phường 4 cũ	Toàn tuyến		1.600
105	Các Đường phố trong khu dân cư Tân Hoà	Toàn tuyến		3.600
106	Đường Phan Đình Phùng	Toàn tuyến		3.600
107	Các Đường phố trong khu dân cư Tân Thuận	Toàn tuyến		4.600



1/

149

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
108	Khu dân cư chợ Nàng Hai	Toàn khu		4.800
109	Các Đường phố trong khu dân cư Rạch Rầy	Toàn tuyến		6.000
110	Đường phía sau Trường Trung học phổ thông thành phố Sa Đéc	Toàn tuyến		4.800
111	Đường hẻm 103 Lý Thường Kiệt	Toàn tuyến		6.000
112	Đường Nguyễn Văn Phỗi	Toàn tuyến		8.400
113	Đường cặp Văn phòng khóm Hòa An	Khu dân cư khóm 3, Phường 2 (B)	Phạm Ngọc Thạch	2.400
		Đường dân cặp Khu dân cư khóm 3, Phường 2 cũ	Toàn tuyến	2.000
114	Đường cặp Bệnh viện Sa Đéc	Đường Phạm Ngọc Thạch	Công ty Xổ số kiến thiết Đồng Tháp	1.600
115	Đường Võ Trường Toản	Đường tỉnh 848	Đường Nguyễn Sinh Sắc	3.600
116	Đường hẻm tổ 10 (hẻm Công Bằng)	Đường tỉnh 848	Rạch Bà Bống	4.800
		- Phía bên kia rạch	Toàn tuyến	3.200
117	Đường rạch Hai Đường	Đường Đào Duy Từ	Nhà ông Trần Văn Be	1.600
		Nhà ông Trần Văn Be	Cầu Hai Đường	1.200
118	Khu dân cư Ngân hàng Nông nghiệp	Toàn khu		3.600



119

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
119	Đường vành đai Đường tỉnh 848	Toàn tuyến		2.400
120	Khu dân cư Dân lập Ngô Thị Thuý Vân	Toàn khu		8.000
121	Đường vào khu liên hợp TĐTT	Toàn tuyến		6.000
122	Đường nối cảnh quan kè Sông Tiền	Đường Hoàng Sa	Đường Võ Văn Tần	3.000
123	Đường vào khu hành chính xã Tân Quy Tây cũ	Toàn tuyến		6.000
124	Đường Kênh Rạch Rầy	Toàn tuyến		2.000
125	Đường Võ Phát	Toàn tuyến		8.000
126	Đường rạch Hai Đường bờ trái	Cầu Hai Đường	Kênh KCI	1.800
127	Đường Kênh Thanh Niên	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Đường Lưu Văn Lang	6.000
128	Đường Hoàng Sa	Đường tỉnh 848	Ngã ba giáp Đường Bùi Thị Xuân	6.000
		Ngã ba giáp Đường Bùi Thị Xuân	Cầu Vườn Hồng	3.000
		Cầu Vườn Hồng	Trần Văn Voi	2.400
129	Đường Trương Sa	Toàn tuyến		2.000
130	Đường Rạch Trâm Bầu	Toàn tuyến		1.800
131	Đường Ô bao số 10	Kênh rạch Ông Hộ đoạn Đường Đào Duy Từ, phường An Hòa	Giáp xã Hòa Thành, phường An Hòa	1.600

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
132	Đường hẻm tổ 17 khóm Tân Bình	Đường Ngã Am	Đường Trần Thị Nhượng	3.200
133	Đường hẻm tổ 19 khóm Tân Bình	Đường Rạch Chùa bờ trái	Đường Trần Thị Nhượng	3.200
134	Đường kênh bà Sáu	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hùng Vương	4.000
135	Đường Kênh Mương Chùa	Đường Cao Thắng	Đường Trần Quang Khải	1.200
136	Đường ô Bao số 34	Toàn tuyến		1.600
137	Đường ô Bao số 6	Toàn tuyến		1.600
138	Chợ phường	- Đường đối diện chợ		3.000
		- Đường còn lại		2.400
139	Khu dân cư Đông Quới	Toàn tuyến		4.800
140	Khu dân cư dân lập còn lại	Các Đường tiếp nối trục giao thông chính, Đường phố đô thị		6.000
		Đường còn lại		4.400
141	Khu dân cư Tân Quy Tây	Toàn tuyến		6.000
142	Đường kênh 19 tháng 5	Toàn tuyến		1.200
143	Đường Sa Nhiên - Mù U	Cầu Ông Thung	Cầu Mù U	2.000
144	Đường Ông Quế - Đường tỉnh 848	Toàn tuyến		2.400
145	Đường ngang	Toàn tuyến		1.800
146	Đường Tứ Quý - Ông Quế	Toàn tuyến		1.600
147	Đường Mù U - Rạch Bần	Toàn tuyến		1.200

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
148	Đường Kênh Lấp	Toàn tuyến		2.200
149	Đường Ông Quế - kênh 50	Toàn tuyến		1.600
150	Đường Cái Bè - Cai Khoa	Toàn tuyến		1.600
151	Đường Cai Khoa - Giác Long	Toàn tuyến		1.600
152	Đường Đình	Đường tỉnh 848	Cầu Đình, xã Tân Khánh Đông	2.200
153	Đường rạch Thông Lưu	- Bờ trái	Toàn tuyến	1.600
		- Bờ phải	Toàn tuyến	2.400
		Đoạn còn lại		1.200
154	Đường rạch Cái Bè	Cầu Mười Bàng	Cuối Đường	1.600
155	Đường Nguyễn Văn Nhơn	Đường tỉnh 848	Sông Tiền	4.000
156	Đường Kênh 50	Toàn tuyến		1.200
157	Đường Mương Khai (bờ phải + bờ trái)	Toàn tuyến		1.200
158	Đường Cái Bè (bờ phải)	Rạch Cái Bè	Hết Đường	1.200
159	Đường rạch Bà Chủ (bờ trái + bờ phải)	Cầu Đình	Cuối Đường	1.200
160	Đường Ông Quế - Cái Bè	Toàn tuyến		2.400
161	Đường Cái Bè - Ông Thung	Toàn tuyến		2.400
162	Đường rạch Ông Thung	Toàn tuyến		1.200
163	Đường cặp sông Tiền	Đường Nguyễn Văn Nhơn	Ranh khóm Vô	1.800



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
164	Đường Cai Khoa (bờ phải)	Toàn tuyến		1.800
165	Đường Kênh Xếp Mương Đào	Toàn tuyến		1.800
166	Đường cặp rạch Ông Tổn	Toàn tuyến		1.800
167	Đường cặp rạch Lòng Lai (bờ phải)	Toàn tuyến		1.800
168	Đường Cao Mên trên (bờ trái + bờ phải)	Toàn tuyến		1.600
169	Đường Ông Hộ	- Bờ trái	Toàn tuyến	1.600
		- Bờ phải	Toàn tuyến	1.200
170	Đường Kênh Trung Ương (bờ trái + phải)	Toàn tuyến		1.800
171	Đường Phạm Hữu Nghĩa (kênh Sáu Hiếu)	Rạch Ông Hộ	Rạch Cao Mên trên	1.200
172	Đường Tân Lập	Toàn tuyến		2.400
173	Đường cặp rạch Tư Miêu (bờ trái + bờ phải)	Toàn tuyến		1.600
174	Đường cặp rạch Ba Ngay	Toàn tuyến		1.600
175	Đường cặp kênh Sáu Đỏ	Toàn tuyến		1.600
176	Đường nối từ kênh Trung Ương đến Đường Tân Lập	Toàn tuyến		2.400

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
177	Đường Cồn Bồng Bồng	Toàn tuyến		1.200
178	Đường Cồn Sậy	Toàn tuyến		1.200
179	Đường 26 tháng 3	Toàn tuyến		1.200
180	Đường Phạm Hữu Nghĩa (bờ phải)	Toàn tuyến		4.000
181	Đường Kênh Vành Đai	Đường rạch Ông Thung	Đường Mù U	2.000
182	Đường rạch Ông Quế	Đường Tứ Quý Ông Quế	Kênh Phan Văn Trâm	1.600
183	Đường Kênh Cây Vừng	Đường Vành Đai Đường tỉnh 848	Rạch Ông Quế	2.000
184	Đường Phan Văn Trâm	Toàn tuyến		1.600
185	Đường cấp kênh KC1	Cầu ngang nhà ông Ba Dón	Chùa Linh Nguyên	2.400
186	Đường Hai Sanh	Rạch Cao Mên dưới	Kênh Sáu Chiêu	2.400
187	Đường Kênh Ba Thín	Rạch Cao Mên trên	Kênh Sáu Chiêu	3.200
188	Đường nối vào Khu Công nghiệp C mở rộng	Toàn tuyến		4.400
189	Đường N7	Đường Hoa Sa Đéc	Đường tỉnh 848	8.000
190	Đường D2	Nguyễn Sinh Sắc	Đào Duy Từ	8.000
191	Đường song song Đường Hoa Sa Đéc	Đường Sa Nhiên	Đường Cai Dao	6.400
192	Đường Kênh Hai Liêu	Toàn tuyến		2.500
193	Khu tái định cư số 1	Đường rộng từ 5m đến dưới 7m	Toàn tuyến	6.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Đường rộng từ 7m trở lên	Toàn tuyến	8.500
194	Khu tái định cư số 2	Đường rộng từ 5m đến dưới 7m	Toàn tuyến	6.000
		Đường rộng từ 7m trở lên	Toàn tuyến	8.500
195	Đường Hẻm 405 Đường Nguyễn Tất Thành (Hẻm Tư Mỗ)	Toàn tuyến		8.000